

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình
Xử lý khẩn cấp sạt lở cụm công trình Công sở xã Trung Thành và
Trường phổ thông DTBT THCS Trung Thành, huyện Quan Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH4 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Công văn số 7293/UBND-NN ngày 28/5/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thực hiện dự án xử lý khẩn cấp sạt lở cụm công trình Công sở xã Trung thành và Trường Phổ thông DTBT THCS Trung Thành, huyện Quan Hóa theo lệnh khẩn cấp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 6810/SXD-HĐXD ngày 17/9/2021 (kèm theo hồ sơ dự án); của Chủ tịch UBND huyện Quan Hóa tại Tờ trình số 97/UBND-TTr ngày 15/9/2021 (kèm theo Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án số 673/TTKD-KĐXD ngày 13/9/2021 của Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng Thanh Hóa).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Xử lý khẩn cấp sạt lở cụm công trình Công sở xã Trung Thành và Trường phổ thông DTBT THCS Trung Thành, huyện Quan Hóa với những nội dung sau:

- 1. Tên dự án:** Xử lý khẩn cấp sạt lở cụm công trình Công sở xã Trung Thành và Trường phổ thông DTBT THCS Trung Thành, huyện Quan Hóa.
- 2. Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.
- 3. Chủ đầu tư:** UBND huyện Quan Hóa.

4. Địa điểm xây dựng: Xã Trung Thành, huyện Quan Hóa.

5. Loại, nhóm dự án, cấp công trình: Nhóm C, loại công trình dân dụng, cấp III.

6. Tổ chức tư vấn:

- Tư vấn khảo sát, lập dự án đầu tư: Liên danh Công ty cổ phần tư vấn giao thông & xây dựng công trình 8 và Công ty cổ phần VIFATEC Quốc tế.

- Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư: Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng Thanh Hóa.

7. Mục tiêu đầu tư: Khắc phục tình trạng sạt lở, đảm bảo an toàn lâu dài cho cụm công trình Công sở xã Trung Thành, Trường Phổ thông DTBT THCS Trung Thành và các công trình lân cận như: Bưu điện văn hóa xã, đường giao thông từ bản Chiềng đi bản Trung Lập, đường dây hạ thế 0,4Kv, cầu suối Quýt,..

8. Quy mô đầu tư và giải pháp thiết kế

8.1. Giải pháp thiết kế ổn định mái dốc:

Phương án đào cắt cơ giảm tải cho mái taluy hiện trạng:

- Đào taluy với độ dốc 1:1,75, bề rộng cơ B=3m, chiều cao cơ đào là H=8.0m.

- Tại các vị trí cơ đào được gia cố bằng tấm ốp bê tông xi măng lắp ghép.

- Trên phần cơ đào bố trí gia cố bề mặt để thu nước mặt thoát vào bậc nước xuống hồ tự.

8.2. Giải pháp thiết kế gia cố mái taluy:

- Phần mái đào dưới cùng sát rãnh dọc được gia cố bằng cách phun vữa bê tông cường độ 18 Mpa, có chiều dày trung bình 7cm, kết hợp cùng lưới thép D6a150 làm cốt. Trên mái sử dụng các thanh neo thép D12, khoảng cách không quá 2m để neo lưới thép xuống bề mặt mái. Cách khoảng 5m bố trí một thanh ghim thép D10 để ghim chặt các lưới xuống với nhau.

- Dưới chân mái bố trí hai hàng ống nhựa PVC D50 cách nhau 2m để thoát nước ngầm, đồng thời bố trí chân khay bằng bê tông đá 1x2 M200 trên nền bê tông lót đá 1x2 M100 để ổn định chân mái.

8.3. Giải pháp thiết kế đường dưới chân đồi:

- Đường dưới chân đồi được thiết kế theo quy mô đường cấp VI miền núi gồm các thành phần chi tiết như sau: Bề rộng xe chạy $2 \times 3,0\text{m} = 6,0\text{m}$; Lề đất $2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}$; Chiều rộng toàn bộ B = 7,0 m.

- Kết cấu áo đường đề xuất như sau: Bê tông xi măng M200 dày 18cm; 1 Lớp giấy dầu chống mất nước; CPĐD loại 1 dày 15cm; Đất nền đầm chặt $K \geq 0,95$ dày 18cm.

8.4. Giải pháp thiết kế thoát nước:

- Nhằm đảm bảo thoát mưa không gây nên hiện tượng sủi mòn trong phạm vi dự án, giải pháp thiết kế xác định 3 lưu vực thoát nước như sau:

+ Lưu vực 1 có diện tích khoảng 0,71ha có cao độ cao nhất +157.49m và cao độ thấp nhất +103.18m;

+ Lưu vực 2 có diện tích khoảng 1,58ha có cao độ cao nhất khoảng +186.74m và cao độ thấp nhất +100.18m;

+ Lưu vực 3 có diện tích khoảng 0,75ha có cao độ cao nhất khoảng +186.33m và cao độ thấp nhất +103.05m.

- Lượng nước mưa trong phạm vi từng lưu vực được thu gom từ mái dốc về rãnh cơ tại chân taluy, sau đó nước mưa sẽ được thu về rãnh đỉnh có cấu tạo dạng bậc thang để giảm vận tốc nước.

Nước từ các rãnh đỉnh dạng bậc thang được đưa về các hố tụ và rãnh BTCT, sau đó đầu nối vào các rãnh thoát nước hiện trạng của khu vực.

- Cấu tạo rãnh cơ loại 1: Rãnh dạng bậc thang gồm các bậc kích thước 50x33cm bằng BTXM mác 200 (B15) trên nền lớp đá dăm dày 10cm.

- Cấu tạo rãnh cơ loại 2: Rãnh dạng bậc thang gồm các bậc kích thước 75x43cm bằng BTXM mác 200 (B15) trên nền lớp đá dăm dày 10cm.

- Cấu tạo rãnh cơ loại 3: Rãnh dạng bậc thang gồm các bậc kích thước 50x50cm bằng BTXM mác 200 (B15) trên nền lớp đá dăm dày 10cm.

- Cấu tạo rãnh: Thân rãnh, đáy rãnh bằng BTCT M250 (B20) dày 15cm trên nền đá dăm đệm dày 10cm; tấm đan BTCT mác 250 (B20) dày 12cm.

- Cấu tạo hố ga: Thân ga, đáy ga bằng BTCT M250 (B20) dày 15cm trên nền đá dăm đệm dày 10cm; tấm đan BTCT mác 250 (B20) dày 12cm.

8.5. Giải pháp thiết kế tường chắn:

Xây dựng tường chắn thiết kế cao từ 6.0m giữ nền đất đỉnh đồi không cho sạt trượt xuống phía dưới khu vực công sở, không làm ảnh hưởng đến các công trình hiện tại. Vật liệu để xây dựng tường chắn là Bê tông xi măng M250.

9. Số bước thiết kế: 02 bước.

10. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 36.881.319.000 đồng; trong đó:

- Chi phí GPMB:	666.920.220 đồng;
- Chi phí xây dựng:	31.554.796.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	773.953.087 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	2.855.010.422 đồng;

- Chi phí khác: 307.475.890 đồng;
- Chi phí dự phòng: 723.163.112 đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo).

11. Nguồn vốn: Nguồn sự nghiệp giáo dục và đào tạo, nguồn dự phòng ngân sách tỉnh.

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

13. Thời gian thực hiện: Năm 2021-2022.

14. Các nội dung khác: Theo hồ sơ dự án đã được Sở Xây dựng thẩm định kèm theo Tờ trình số 6810/SXD-HĐXD ngày 17/9/2021.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ đầu tư (UBND huyện Quan Hóa) có trách nhiệm tổ chức quản lý thực hiện xây dựng công trình theo quy định tại Điều 58 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ, đảm bảo tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí; trong quá trình triển khai các bước tiếp theo, có trách nhiệm tiếp thu, thực hiện đầy đủ các ý kiến thẩm định của Sở Xây dựng tại văn bản số 6681/SXD-HĐXD ngày 14/9/2021 về thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư dự án trên.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan, tham mưu, báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí vốn còn thiếu của dự án so với Quyết định số 2004/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh từ nguồn sự nghiệp giáo dục và đào tạo, nguồn dự phòng ngân sách tỉnh đã được xác định theo Công văn số 7293/UBND-NN ngày 28/5/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Quan Hóa; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN.(Mld118)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đầu Thanh Tùng

Phụ biểu: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Dự án: Xử lý khẩn cấp sạt lở cụm công trình Công sở xã Trung Thành và Trường phổ thông DTBT THCS Trung Thành, huyện Quan Hóa

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền		
				Trước VAT	Thuế VAT	Sau VAT
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	Gxd		28.686.178.182	2.868.617.818	31.554.796.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	Gqlđa	$(G_{XD} + G_{TB})^{\text{trước VAT}} \times 2,698\%$	773.953.087		773.953.087
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐTXD	Gtv		2.621.920.889	262.192.089	2.855.010.422
1	Chi phí khảo sát địa chất, địa hình		Tổng hợp giá trị theo dự toán thiết kế	469.798.182	46.979.818	516.778.000
2	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi		nt	291.025.551	29.102.555	291.025.551
3	Chi phí thẩm tra Báo cáo NCKT		$(G_{XD} + G_{TB})^{\text{trước VAT}} \times 0,159\%$	45.611.023	4.561.102	50.172.126
4	Chi phí lập thiết kế BVTC+DT		$(G_{XD})^{\text{trước VAT}} \times 2,814\%$	807.229.054	80.722.905	887.951.959
5	Chi phí thẩm tra thiết kế		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,208\%$	59.667.251	5.966.725	65.633.976
6	Chi phí thẩm tra dự toán		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,204\%$	58.519.803	5.851.980	64.371.784
7	Chi phí giám sát thi công xây dựng		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 2,732\%$	783.706.388	78.370.639	862.077.027
8	Chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường		Tổng hợp giá trị theo dự toán thiết kế	106.363.636	10.636.364	117.000.000
IV	CHI PHÍ KHÁC	Gk		286.487.229	20.988.661	307.475.890
1	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN		$G_{GS}^{\text{trước VAT}} \times 2\%$	15.674.128		15.674.128
2	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư		$TMĐT \times 0,016\% \times 50\%$	2.892.652		2.892.652
3	Chi phí bảo hiểm công trình		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,080\%$	22.948.943	2.294.894	25.243.837

Stt	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền		
				Trước VAT	Thuế VAT	Sau VAT
4	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán		$50\% \cdot (TMĐT - DP) \cdot 0,321\%$	58.033.840		58.033.840
5	Chi phí kiểm toán		$(TMĐT - DP) \cdot 0,517\%$	186.937.666	18.693.767	205.631.433
V	CHI PHÍ GPMB	G_{GPMB}	Tổng hợp giá trị theo dự toán thiết kế			666.920.220
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	G_{DP}				723.163.112
1	Chi phí dự phòng		$(G_{XD} + G_{TV} + G_{QLDA} + G_{GPMB} + G_K) \cdot 2,0\%$			723.163.112
	TỔNG CỘNG					36.881.318.732
	LÀM TRÒN					36.881.319.000